

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-22
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: AN PHAT JOINT STOCK SECURITIES COMPANY. Tên viết tắt là: APSL.

Theo Quyết định số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 13 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/11/2009

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Nguyên Hoàng	Trưởng ban	
Bà Ngô Thị Ngát	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2009
Ông Ngô Anh Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2009

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà



Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 05 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.780.939.706	57.103.470.537
110	1 Tiền và các khoản tương đương tiền		16.371.004.161	10.253.019.497
111	1 Tiền	4	16.371.004.161	10.253.019.497
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	66.986.125.581	8.559.762.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		69.271.730.495	11.429.616.040
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.285.604.914)	(2.869.854.040)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn	6	73.626.458.449	34.975.315.172
132	2 Trả trước cho người bán		406.888.071	-
135	4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		68.155.283.128	16.513.426.275
138	5 Các khoản phải thu khác		5.064.287.250	18.461.888.897
150	V Tài sản ngắn hạn khác		1.797.351.515	3.315.373.868
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		1.767.011.422	1.910.585.460
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		30.340.093	1.404.788.408
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		6.132.589.785	50.813.650.508
220	II Tài sản cố định	7	5.552.489.791	5.614.521.258
221	1 Tài sản cố định hữu hình		4.102.541.595	4.190.694.818
222	- Nguyên giá		5.264.781.762	4.747.010.647
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.162.240.167)	(556.315.829)
227	3 Tài sản cố định vô hình		1.397.565.904	1.222.632.317
228	- Nguyên giá		1.780.148.730	1.302.248.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(382.582.826)	(79.616.413)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	52.382.292	201.194.123
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	37.350.000.000
253	3 Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	35.350.000.000
258	4 Đầu tư dài hạn khác		-	23.000.000.000
259	5 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(21.000.000.000)
260	V Tài sản dài hạn khác		580.099.994	7.849.129.250
263	3 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	220.586.744	120.000.000
268	4 Tài sản dài hạn khác		359.513.250	7.729.129.250
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.913.529.491	107.917.121.045

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		20.886.237.614	3.168.444.774
310	I Nợ ngắn hạn		20.886.237.614	3.168.444.774
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	10	1.900.000.000	-
312	2 Phải trả người bán		-	1.153.459
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.908.848.093	41.750.843
316	6 Chi phí phải trả		61.753.000	-
321	9 Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		52.872.440	230.724.000
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	16.962.764.081	2.894.816.472
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		144.027.291.877	104.748.676.271
410	I Vốn chủ sở hữu	13	144.027.291.877	104.748.676.271
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		881.499.995	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.145.791.882	(30.251.323.729)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.913.529.491	107.917.121.045

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
006	6 Chứng khoán lưu ký		109.220.670.000	60.366.790.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		91.310.670.000	60.366.790.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		18.657.240.000	2.205.300.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		71.853.430.000	58.161.490.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		800.000.000	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		17.910.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		17.910.000.000	-
050	7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		5.319.720.000	2.800.000.000
051	7.1 Chứng khoán giao dịch		5.319.720.000	2.800.000.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	2.800.000.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		5.319.720.000	-
083	9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		7.507.000.000	-

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào



Lập ngày 05 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

Trần Thiên Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu	14	39.498.716.128	18.719.709.168
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		12.331.889.116	2.564.346.249
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		10.553.340.782	1.302.691.200
01.9	Doanh thu khác		16.613.486.230	14.852.671.719
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	5.310.111.839
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		39.498.716.128	13.409.597.329
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	15	(12.655.143.133)	35.965.723.957
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		52.153.859.261	(22.556.126.628)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	11.053.501.274	7.839.771.795
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.100.357.987	(30.395.898.423)
31	8 Thu nhập khác		2.850.000	26.098.858
40	10 Lợi nhuận khác		2.850.000	26.098.858
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.103.207.987	(30.369.799.565)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	1.824.592.381	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.278.615.606	(30.369.799.565)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	2.910	(2.250)

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào



Trần Thiên Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		41.103.207.987	(30.369.799.565)
02	Khấu hao tài sản cố định		908.890.751	574.187.535
03	Các khoản dự phòng		(21.584.249.126)	23.869.854.040
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.640.206.476)	-
06	Chi phí lãi vay		664.862.872	-
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		2.452.506.008	(5.925.757.990)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(37.636.664.962)	(9.986.609.778)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.830.860.715	981.713.484
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		143.574.038	(1.199.627.687)
13	Tiền lãi vay đã trả		(603.109.872)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(29.618.959)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.729.586.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(7.535.220.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(14.083.248.073)	(23.695.120.930)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(846.859.284)	(3.581.152.047)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(483.500.000.000)	-
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		468.500.000.000	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán		(187.340.633.706)	(46.779.616.040)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán		202.848.519.251	52.000.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.640.206.476	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		18.301.232.737	1.639.231.913
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		66.470.000.000	-
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(64.570.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.900.000.000	-

2009
ÔNG
TRẦN
CH VU
CHÍNH
VÀ KIẾ
AN KI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.117.984.664	(22.055.889.017)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		10.253.019.497	32.308.908.514
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	16.371.004.161	10.253.019.497

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào



Tổng Giám đốc

Trần Thiên Hà



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị thành viên sau

Tên đơn vị

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Số 13 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán công ty chứng khoán, Công ty áp dụng chế độ kế toán nêu trên. Vì vậy, một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh số 21).

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2031
NG T
TAM H
T T
KH K
TAM T
EM - Y

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ lãi tiền gửi, hoạt động cầm cố chứng khoán và hoạt động hỗ trợ đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo nguyên tắc thực thu.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.



3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	3.973.800	154.787.261.000
- Cổ phiếu	3.699.800	150.824.761.000
- Trái phiếu	274.000	3.962.500.000
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của người đầu tư	248.832.570	8.746.129.415.000
- Cổ phiếu	243.029.880	8.671.228.017.000
- Chứng chỉ quỹ	5.802.690	74.901.398.000
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	252.806.370	8.900.916.676.000

4 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	25.265.227	22.981.478
Tiền gửi ngân hàng	1.254.539.871	8.910.488.347
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	15.091.199.063	1.319.549.672
Cộng	16.371.004.161	10.253.019.497

(*) Đây là khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chứng khoán thương mại	31.271.730.495	11.429.616.040
- Chứng khoán niêm yết	20.146.360.495	7.192.116.040
- Chứng khoán chưa niêm yết	11.125.370.000	4.237.500.000
Đầu tư ngắn hạn khác	38.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	38.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.285.604.914)	(2.869.854.040)
Cộng	66.986.125.581	8.559.762.000

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2009. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết (bao gồm cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội và cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội), Công ty mua ngày 28/12/2009 và giá trị trên sổ kế toán không cao hơn giá thị trường tại thời điểm 31/12/2009, do đó không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
1. Trả trước cho người bán	406.888.071	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	68.155.283.128	16.513.426.275
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	68.089.283.128	11.947.426.275
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	66.000.000	4.566.000.000
3. Phải thu khác	5.064.287.250	18.461.888.897
- Phải thu tiền gốc các hợp đồng Repo	5.064.287.250	17.916.000.000
- Phải thu lãi các hợp đồng Repo	-	199.396.000
- Trả tiền thừa mua ô tô Công ty Tân Hoàng Huy	-	216.493.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	48.450.000
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	29.922.500
- Phải thu khác	-	51.627.397
Cộng	73.626.458.449	34.975.315.172

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	3.448.747.661	1.118.800.000	179.462.986	4.747.010.647
2. Số tăng trong năm	517.771.115	-	-	517.771.115
- Mua sắm mới	517.771.115	-	-	517.771.115
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	3.966.518.776	1.118.800.000	179.462.986	5.264.781.762
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	401.400.486	116.541.667	38.373.676	556.315.829
2. Số tăng trong năm	453.896.958	139.850.000	12.177.380	605.924.338
- Trích khấu hao	453.896.958	139.850.000	12.177.380	605.924.338
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	855.297.444	256.391.667	50.551.056	1.162.240.167
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	3.047.347.175	1.002.258.333	141.089.310	4.190.694.818
2. Cuối năm	3.111.221.332	862.408.333	128.911.930	4.102.541.595

b) Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	1.222.248.730	80.000.000	1.302.248.730
2. Số tăng trong năm	297.000.000	180.900.000	477.900.000
- Mua sắm mới	297.000.000	180.900.000	477.900.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.519.248.730	260.900.000	1.780.148.730
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	68.949.746	10.666.667	79.616.413
2. Số tăng trong năm	292.299.746	10.666.667	302.966.413
- Trích khấu hao	292.299.746	10.666.667	302.966.413
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	361.249.492	21.333.334	382.582.826
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	1.153.298.984	69.333.333	1.222.632.317
2. Cuối năm	1.157.999.238	239.566.666	1.397.565.904

c) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
135.000.000.000	Nguyên giá	7.044.930.492	0,05
	Khấu hao	(1.544.822.993)	
	Giá trị còn lại	5.500.107.499	0,04
Cộng	x	x	x

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	52.382.292	201.194.123
- Sửa chữa văn phòng Công ty	52.382.292	201.194.123
Cộng	52.382.292	201.194.123

9. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	100.586.744	-
Số cuối năm	220.586.744	120.000.000

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.900.000.000	-
- Vay cá nhân Bà Nguyễn Bích Thủy	1.900.000.000	-
Cộng	1.900.000.000	-

Thông tin bổ sung cho hợp đồng vay

Hợp đồng vay vốn ngày 15/10/2009 với số tiền là 1.900.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay là 13%/năm. Vốn vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.835.012.931	10.420.550
Các loại thuế khác	73.835.162	31.330.293
Cộng	1.908.848.093	41.750.843

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.784.220	4.609.800
Bảo hiểm xã hội	34.187.300	-
Bảo hiểm y tế	-	6.565.000
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	15.091.199.063	1.319.549.672
Tiền mua cổ phần chưa xác định được đối tượng	1.160.119.000	1.160.119.000
Cổ tức phải trả ông Mai Ngọc Lâm	13.001.000	13.001.000
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	360.000.000
Cổ tức chứng khoán Đại Việt	30.972.000	30.972.000
Tiền lương kinh doanh và tiền phép	319.861.023	-
Phí cộng tác viên	73.751.475	-
Mua cổ phiếu EMC	100.000.000	-
Tiền bán cổ phiếu TBH	130.889.000	-
Cộng	16.962.764.081	2.894.816.472

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	881.499.995	-	881.499.995
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.251.323.729)	39.278.615.606	881.499.995	8.145.791.882
Tổng cộng	104.748.676.271	40.160.115.601	881.499.995	144.027.291.877

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	0%	-	0%	-
Vốn góp của đối tượng khác	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000
Cộng	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000

b) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000

c) **Cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000



14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	39.498.716.128	18.719.709.168
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.331.889.116	2.564.346.249
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10.553.340.782	1.302.691.200
- Doanh thu khác (*)	16.613.486.230	14.852.671.719
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	5.310.111.839
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	39.498.716.128	13.409.597.329

15 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.423.909.249	-
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.281.405.783	9.473.297.960
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	46.949.103	-
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	(21.584.249.126)	23.869.854.040
Chi phí khác	1.361.400.747	222.086.633
Chi phí trực tiếp chung	1.815.441.111	2.400.485.324
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	248.962.229	485.792.862
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	3.666.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.648.882	1.420.142.272
- Chi phí khác bằng tiền	14.830.000	490.883.523
Cộng	(12.655.143.133)	35.965.723.957

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.491.146.910	2.563.612.167
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	518.903.334	1.242.080.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	908.890.751	1.700.442.315
Thuế, phí và lệ phí	96.407.663	343.171.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.629.638.484	592.969.493
Chi phí khác bằng tiền	408.514.132	1.397.496.140
Cộng	11.053.501.274	7.839.771.795

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.103.207.987	(30.369.799.565)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh giảm (bù lỗ năm 2008, cổ tức)	30.676.965.811	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	10.426.242.176	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.606.560.544	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(781.968.163)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.824.592.381	-

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	39.278.615.606	(30.369.799.565)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.278.615.606	(30.369.799.565)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.910	(2.250)

19 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CÔNG TY NÀM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	15.091.199.063	1.319.549.672
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	-
Cộng	15.091.199.063	1.319.549.672

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Trả trước cho người bán	132	-	11.929.481.327	(11.929.481.327)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	135	16.513.426.275	4.583.944.948	11.929.481.327
Phải trả phải nộp khác	328	2.894.816.472	1.575.266.800	1.319.549.672
Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	(**)	-	1.319.549.672	(1.319.549.672)

(*) Trên Bảng cân đối kế toán năm 2008, số liệu 4.583.944.948 VND được trình bày tại hai chỉ tiêu "Phải thu của người đầu tư" - Mã số 132 và "Phải thu của tổ chức phát hành hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán" - Mã số 133.

(**) Trên Bảng cân đối kế toán năm 2008, số liệu 1.319.549.672 VND được trình bày tại chỉ tiêu "Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư" - Mã số 332.

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hảo

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010



Trần Thiên Hà

